1. Đưa ra số lượng các job có trong bảng nhân viên employees.

**select count(distinct job\_id) total\_jobs**

**from employees**

1. Đưa ra tổng lương phải trả cho các nhân viên trong bảng employees.

**select SUM(salary) total\_salary**

**from employees**

1. Đưa ra mức lương thấp nhất trong bảng employees.

**select MIN(salary) min\_salary**

**from employees**

1. Đưa ra mức lương cao nhất của một nhân viên là Programmer.

**select MAX(salary) max\_salary\_programmer**

**from employees**

**where job\_id = (select job\_id from jobs where job\_title = 'Programmer')**

1. Đưa ra mức lương trung bình và số lượng nhân viên làm việc cho department có ID là 90.

**select department\_id, AVG(salary) avg\_salary, COUNT(\*) total\_employees**

**from employees**

**group by department\_id**

**having department\_id = 90;**

1. Đưa ra mức lương cao nhất, thấp nhất, tổng, và trung bình của tất cả các nhân viên.

**SELECT MAX(salary) max\_salary, MIN(salary) min\_salary, SUM(salary) sum\_salary, AVG(salary) avg\_salary**

**from employees;**

1. Đưa ra danh sách job id và số lượng nhân viên có job id tương ứng.

**SELECT job\_id, count(job\_id) c**

**from employees**

**group by job\_id;**

1. Đưa ra khoảng cách lương giữa mức lương cao nhất và thấp nhất.

**SELECT MAX(salary) - MIN(salary)**

**from employees;**

1. Tìm manager ID và mức lương mà là mức lương thấp nhất trả cho vị trí manager.

**select distinct e1.employee\_id, e1.salary**

**from employees e1, employees e2**

**where e1.employee\_id = e2.manager\_id**

**and e1.salary = (select min(e1.salary)**

**from employees e1, employees e2**

**where e1.employee\_id = e2.manager\_id)**

1. Đưa ra danh sách department ID và tổng lương ứng với từng department đó.

**select department\_id, sum(salary) sum\_salary**

**from employees**

**group by department\_id**

1. Đưa ra mức lương trung bình cho mỗi job ID loại trừ nghề Programmer.

**select job\_id, avg(salary)**

**from employees**

**where job\_id <> (select job\_id from jobs where job\_title = 'Programmer')**

**group by job\_id**

1. Đưa ra tổng lương, lương cao nhất, thấp nhất, trung bình của mỗi job ID mà thuộc về department có ID là 90.

**SELECT job\_id, MAX(salary) max\_salary, MIN(salary) min\_salary, SUM(salary) sum\_salary, AVG(salary) avg\_salary**

**from employees**

**where department\_id = 90**

**group by job\_id;**

1. Đưa ra job ID, mà mức lương cao nhất của nhân viên có vị trí này lớn hơn hoặc bằng $4000.

**select job\_id, MAX(salary) max\_salary**

**from employees**

**group by job\_id**

**having MAX(salary) >= 4000**

1. Đưa ra mức lương trung bình của tất cả các department mà có ít hơn 10 nhân viên.

**select department\_id, avg(salary) avg\_salary**

**from employees**

**group by department\_id**

**having count(\*) < 10**